TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2018/DS-ST
Ngày: 26/3/2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi
Và đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Kim Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Văn Em**;

2/ Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án thụ lý số 450/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U (TM), SN 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh G.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng T (U P), sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:

Chị Nguyễn Thị Mộng T có tham gia chơi 01 phần hụi do bà Nguyễn Thị U làm đầu thảo hụi mở ngày 20/11/2010 (AL), loại hụi 2.000.000 đồng, hụi gồm 28 phần, hụi ba tháng khui một lần. Đến kỳ khui hụi thứ sáu thì chị T hốt hụi được 27.220.000 đồng và có viết biên nhận ngày 05/3/2012. Sau khi hốt

hụi thì T đóng hụi chết cho bà U được 6 kỳ. Hụi mãn vào tháng 8/2017 (AL). Hiện chị T còn nợ bà U số tiền 32.000.000 đồng.

Ngày 02/3/2013 bà U có cho chị T mượn số tiền 9.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, vay có viết biên nhận, thỏa thuận 06 tháng sau chị T sẽ trả nợ cho bà U nhưng không thực hiện.

Nay bà Nguyễn Thị U yêu cầu chị Nguyễn Thị Mộng T phải trả cho bà số tiền vay 9.000.000 đồng và tiền nợ hụi 32.000.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu là 41.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, tờ tự khai, giấy hụi, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, thông báo hòa giải, thông báo hoãn phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị Mộng T vắng mặt không có lý do và cũng không có tự khai trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị U yêu cầu chị Nguyễn Thị Mộng T trả số tiền 41.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mộng T vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hợp đồng cho vay số tiền 9.000.000 đồng giữa bà U và chị T xác lập ngày 02/3/2013 có thỏa thuận thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay là 6 tháng. Đến ngày 14/12/2016 bà U làm đơn khởi kiện chị T yêu cầu trả số tiền 9.000.000 đồng thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Do đó, căn cứ Điều 429 Bộ Luật dân sự, Điều 184, Điều 185 Bộ Luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Đòi tài sản".

Bà Nguyễn Thị U khởi kiện chị Nguyễn Thị Mộng T để tranh chấp đòi tiền góp hụi và đòi tài sản. Căn cứ vào Điều 166; Điều 429, Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Đòi tài sản và hợp đồng góp hụi".

[3] Đối với số tiền nợ hụi: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị U yêu cầu chị Nguyễn Thị Mộng T phải trả số tiền hụi là 32.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử bà U cung cấp danh sách hụi khui ngày 20/11/2010 (AL) và biên nhận tiền hụi ngày 05/3/2012 do chị Nguyễn Thị Mộng T nhận và ký tên. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Nguyễn Thị Mộng T có tham gia một phần hụi do bà Nguyễn Thị U làm đầu thảo là có thật, chị T đã hốt hụi nhưng không đóng lại hụi chết cho bà U. Vì vậy, xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị U là có cơ sở căn cứ vào khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U. Buộc chị Nguyễn Thị Mộng T phải trả cho bà U số tiền nợ hụi 32.000.000 đồng.

[4] Đối với tiền vay: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U, Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch vay tiền giữa chị Nguyễn Thị Mộng T và bà Nguyễn Thị U là có thật. Chị Nguyễn Thị Mộng T có vay của bà Nguyễn Thị U số tiền 9.000.000 đồng vào ngày 02/3/2013 (AL). Sau khi vay, chị T có trả lãi cho bà U nhưng chưa trả tiền gốc cho bà U như thỏa thuận. Vay có viết biên nhận, biên nhận do chị T ký tên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị U buộc chị Nguyễn Thị Mộng T phải trả số tiền vay là 9.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay và nợ hụi chị T phải trả cho bà U là 41.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị Mộng T, từ lúc thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng cần thiết nhưng không thu thập được chứng cứ, tài liệu của chị T. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt không lý do, cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà U. Việc

chị T vắng mặt cho thấy chị T không có thiện chí trả nợ cho bà U và cũng xem như chị T đã đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

[5] Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị U không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà U được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 166; Điều 429; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Mộng T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền 41.000.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu đồng), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 2.050.000 đồng *(*Hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị U, số tiền 1.025.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 15114 ngày 22/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Quyền kháng cáo: Bà U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .

Trần Kim Loan